

Công Điện Mật Của CIA

Ngày 06-03-1968

Lâm Vĩnh Thế

Bài viết này gồm 3 phần: Phần 1 là bản dịch của Công điện Mật của cơ quan CIA; Phần 2 là Bình luận về nội dung của Công điện; và Phần 3 là phần Chú Giải về nội dung của Công điện.

Phần 1: Bản dịch của Công điện

Công điện Tình báo

0606362

Ngày 6 Tháng 3 năm 1968

Quốc Gia: _____ Việt Nam

Đề Mục: Mối quan tâm của Tổng Thống Thiệu đối với các cố gắng nhằm phá hoại uy thế của Ông; phân tích cuộc tấn công của Việt Cộng vào dịp Tết.

Xuất xứ: [Toàn bộ thông tin trong mục này bị bôi xóa]

Tóm Lược:

Tổng Thống Thiệu lo lắng về các điều mà Ông mô tả như là những cố gắng nhằm phá hoại uy thế Tổng Thống của Ông. Ông nêu đích danh Phó Tổng Thống Kỳ, Giám Đốc Cảnh Sát Quốc Gia Loan và người đứng đầu cơ quan An Ninh Quốc Ngoại Mai Đen là những người làm các việc đó. Ông Thiệu cho rằng cuộc tấn công của Việt Cộng vào dịp Tết là do thế yếu của họ. Việt Cộng đã phát động cuộc tấn công để mưu tìm một chiến thắng về tâm lý. Việt Cộng có thể là một mối đe dọa lớn trong vòng những tháng sắp tới và họ có thể phát động đợt tấn công sắp tới vào Tháng Năm hay Tháng Sáu trước khi có sự đề cử các ứng cử viên Tổng Thống Mỹ. Trong lãnh vực chính trị, Ông Thiệu cho biết là Ông không chống lại sự thành lập của các khối chống Cộng, nhưng Ông nghĩ rằng chính phủ không nên dính líu vào việc hậu thuẫn cho các khối đó.

Nội Dung Công Điện:

1. Tổng Thống Nguyễn Văn Thiệu bảo rằng vấn đề chính của Ông hiện nay là một vấn đề cá nhân liên quan đến các hoạt động nhằm phá hoại quyền lực cũng như uy tín tổng thống của Ông. Ông Thiệu nêu đích danh Phó Tổng Thống Nguyễn Cao Kỳ, Tổng Giám Đốc Cảnh Sát Quốc Gia Nguyễn Ngọc Loan và người đứng đầu cơ quan An Ninh Quốc Ngoại Mai Đen¹ như là những người chủ mưu của các hoạt động đó. Ông cảm thấy Ông đã bị dồn vào chân tường, và, mặc dù nói chung Ông đối xử với mọi người một cách công bình và nhã nhặn, Ông muốn có những hành động để xác định tư thế của Ông đối với những người phá rối đó. Ông cho biết điều Ông muốn là làm một Tổng Thống tốt trong trọn

nhiệm kỳ bốn năm, hay ngay cả trong năm tháng đầu tiên này của nhiệm kỳ nếu Ông không vượt qua được cuộc tranh chấp hiện nay, mặc dù Ông không lo ngại cho sự an toàn của bản thân Ông.

2. Ông Thiệu đề cập đến sự kiện Hạ Viện đã bỏ phiếu vào ngày 1 Tháng Ba bác bỏ dự luật ủy quyền đặc biệt cho Tổng Thống được ký các sắc luật về kinh tế và tài chánh² với nhận xét là sự chống đối đó xuất phát từ Khối Dân Chủ³ do nhóm Kỳ/Loan kiểm soát. Ông không thể hiểu tại sao Khối Dân Chủ đã bỏ phiếu chống Ông nếu không phải đó là một hành động cố tình gây bối rối cho Ông trong tư cách Tổng Thống vì chính Ông Kỳ đã yêu cầu Ông cho phép tổ chức Khối đó để hoạt động ủng hộ chính phủ. Các hoạt động tuyên truyền của Mai Đen nhằm bôi lọ Ông và chính phủ của Ông rõ ràng nhằm đạt mục tiêu đó. Ngoài ra, Ông Loan và nhóm của ông ta đang cố gắng làm cho mọi người thấy rằng Ông Nguyễn Văn Lộc⁴ là một vị Thủ Tướng kém khả năng để gây bối rối cho Ông Thiệu. Ông Thiệu bảo mọi người cần phải nhớ rằng Ông Lộc không phải do Ông chọn mà là do sự áp đặt của các tướng lãnh, trong đó có cả Ông Kỳ. Ngoài ra còn có một cố gắng có phối hợp của Ông Loan, và có thể được sự hỗ trợ của Ông Kỳ, để đưa những người tham nhũng vào nắm các chức vụ trong chính phủ, kể cả các chức vụ Tỉnh Trưởng⁵, để dùng những người đó như bằng cứ chứng tỏ sự yếu kém của Ông Thiệu.

3. Ông Thiệu tin rằng việc động viên thêm 125.000 quân là cần thiết phải có trước viễn ảnh của mối đe dọa nghiêm trọng của Việt Cộng trong vài tháng sắp tới. Tuy nhiên, Ông muốn có sự chính thức đồng ý của Hoa Kỳ trong việc cung cấp các trang thiết bị quân sự cần thiết cho mức gia tăng quân số đó trước khi thực hiện các bước tích cực trong việc động viên đó⁶.

4. Ông Thiệu cho rằng cuộc tấn công của Việt Cộng vào dịp Tết là do việc Hà Nội nhận ra rằng sự can thiệp quân sự ào ạt của Hoa Kỳ tại Việt Nam⁷ đã làm cho chiến thắng quân sự của họ trở thành một chuyện không thể thực hiện được. Do đó, cuộc tấn công vào dịp Tết là một thể hiện của thể yếu của họ. Mục tiêu chính của họ chỉ là cố gắng tạo ra một thể mạnh cho Mặt Trận Giải Phóng để chuẩn bị cho cái ngày không thể tránh được khi họ phải khởi sự việc thương thuyết. Đúng ra, Việt Cộng đã yếu đến nỗi họ không thể nào chờ cho đến cơ hội bằng vàng của Tết năm tới để tái diễn cuộc tấn công.

5. Cuộc tấn công vào dịp Tết thể hiện một cố gắng quân sự tuyệt vọng vì Việt Cộng đang thất bại khắp nơi. Việt Cộng đã tấn công vào các thành phố để tạo tác động tối đa về mặt tâm lý. Một vài đạn hoả tiễn hoặc bích kích pháo chỉ tạo ra những thiệt hại nhỏ nhưng tạo ra được tác động tâm lý rất lớn trong khi nếu họ có chiếm được 50 ấp thì cũng không gây được tiếng vang nào đối với thế giới. Ông Thiệu kể ra lệnh của Việt Cộng cho các đơn vị chỉ được chiếm và giữ các thành phố trong vòng 48 giờ như là một bằng cứ cho thấy họ biết rằng họ rất yếu.

6. Ông Thiệu tin rằng Việt Cộng sẽ phát động đợt tấn công kế tiếp vào Tháng Năm hay Tháng Sáu⁸ vì Việt Cộng biết rằng họ cần phải tạo ra tác động tâm lý tối đa vào dư luận Hoa Kỳ trước khi có sự đề cử các ứng cử viên Tổng Thống⁹.

7. Ông Thiệu ủng hộ sự thành lập của một nhóm đoàn kết chống Cộng. Ông bảo không có lý do gì Ông chống lại một nhóm như thế vì sự kiện là nó được thành lập để ủng hộ cho Ông và chính phủ của Ông. Tuy nhiên, Ông Thiệu không tin rằng chính phủ nên hỗ trợ cho những nhóm như thế vì thành viên của các nhóm có thể nghĩ rằng chính phủ sẽ cố gắng lợi dụng họ và vì thế có thể rút lui và làm cho các nhóm tan rã. Ông Thiệu tin rằng cách tốt nhất cho Ông là tiếp tục gặp gỡ các lãnh tụ chính trị và tôn giáo được chọn lọc và cố gắng thuyết phục họ cộng tác bằng cách mang người của họ vào các nhóm đoàn kết đó để chống lại Cộng sản và ủng hộ chính phủ¹⁰. Ông Thiệu bảo rằng sau cùng các thành phần đó có thể tạo ra cơ sở cho một chính đảng mặc dù không nên nghĩ rằng việc này sẽ thành tựu được trong một tương lai gần. Ông Thiệu cũng nói thêm rằng trong những năm qua đã từng có hàng trăm những nhóm chính trị như thế, nhưng chỉ có một vài nhóm có được sự kết hợp chặt chẽ hay thực sự thành công trong việc mở rộng được cơ sở chính trị của họ.

8. Phân phối: Bộ Ngoại Giao (Đại sứ Bunker ¹¹, Cố vấn Chính trị, Ông Zorthian), USMACV (Tướng Westmoreland ¹², Tướng Abrams ¹³, Đại sứ Komer ¹⁴, Tham Mưu Trưởng, J-2 ¹⁵), Sư Đoàn 7 Không Quân (Tướng Mommyer ¹⁶ mà thôi), CINPAC ¹⁷. Xếp loại: Mật.

Phần 2: Bình Luận về Nội dung của Công điện

Bức công điện mật này (mà độc giả có thể đọc toàn văn trong Vi Phiếu số 150, Tài Liệu số 1862, năm 2000 của Bộ Vi Phiếu *Declassified Documents Reference System*) trình bày quan điểm của Tổng Thống Thiệu về 3 vấn đề: 1) sự tranh chấp quyền lực trong nội bộ chính phủ VNCH, cụ thể là giữa ông và Phó Tổng Thống Kỳ; 2) sự đánh giá của ông về cuộc Tổng Tấn Công Tết Mậu Thân của Việt Cộng và dự đoán của ông về đợt tấn công sắp tới của Việt Cộng; và, 3) chủ trương của ông về việc hình thành một phong trào chính trị nhằm ủng hộ chính phủ. .

Trong vấn đề thứ nhất, Tổng Thống Thiệu báo trước ông sẽ có những hành động cứng rắn để xác định địa vị và quyền lực của ông. Và thực tế đã chứng minh điều đó: đến cuối năm 1968 ông đã hoàn toàn thành công loại bỏ được hầu hết những nhân vật thân cận với Phó Tổng Thống Kỳ đã từng nắm giữ các chức vụ quan trọng về chính trị, hành chánh, an ninh và quân sự. Cụ thể là: 1) Ông đã giải nhiệm Nội Các Nguyễn Văn Lộc và mời ông Trần Văn Hương thành lập Nội Các mới vào ngày 25-05-1968; 2) Ông đã thay thế được trên 20 Tỉnh Trưởng (Xem thêm Ghi Chú số 5 ở Phần 3); 3) Ông đã bổ nhiệm Thiếu Tướng Nguyễn Văn Minh, nguyên Tư Lệnh Sư Đoàn 21 Bộ Binh, thay Trung Tướng Lê Nguyên Khang trong chức vụ Tư Lệnh Biệt Khu Thủ Đô ngày 04-06-1968; 4) Ông đã bổ nhiệm Đại Tá Đỗ Kiến Nhiễm thay thế Đại Tá Văn Văn Của ngày 07-06-1968 trong chức vụ Đô Trưởng; 5) Sau Khi Tướng Loan bị thương và phải sang Hoa Kỳ chữa trị, ông đã bổ nhiệm Đại Tá Trần Văn Hai vào chức vụ Tổng Giám Đốc Tổng Nha Cảnh Sát Quốc Gia ngày 07-06-1968; sau khi Đại Tá Hai nhậm chức, ngày 16-06-1968, 7 Trưởng Ty Cảnh sát Đô Thành bị thay thế; Mai Đen bị giải nhiệm khỏi chức vụ Trưởng Khối Tình Báo Quốc Ngoại tại Cục Trung Ương Tình Báo, sau đó Mai Đen đã bỏ trốn sang Thái Lan; 6) Ông đã bổ nhiệm Trung Tướng Đỗ Cao Trí thay thế Trung Tướng Lê Nguyên Khang trong chức vụ Tư Lệnh Quân Đoàn 3 vào ngày 05-08-1968. Ngoài ra, cũng phải kể đến một sự kiện đã vô tình giúp Tổng Thống Thiệu có cơ hội thay thế được một loạt nhiều nhân vật thân cận với Phó Tổng Thống Kỳ: đó là vụ trực thăng Mỹ bắn làm vào bộ chỉ huy hành quân của QLVNCH tại đường Khổng Tử trong Chợ Lớn vào lúc 6 giờ chiều ngày 02-06-1968, gây tử thương cho 6 sĩ quan QLVNCH, đó là các Trung Tá Nguyễn Văn Luận, Lê Ngọc Trụ, Phó Quốc Chụ, Đào Bá Phước, và các Thiếu Tá Nguyễn Bảo Thùy và Nguyễn Ngọc Sinh; Đại Tá Văn Văn Của, Đô Trưởng Sài Gòn và Trung Tá Trần Văn Phấn cũng bị thương trong vụ này (sách 1968 : *Việc Từng Ngày* của Đoàn Thêm, tr. 195).

Trong vấn đề thứ nhì, nhận định của Tổng Thống Thiệu phản ánh thái độ lạc quan chung bên ngoài về tình hình quân sự tại Miền Nam của cả 2 chính phủ VNCH và Hoa Kỳ lúc đó. Sự thất bại của hệ thống tình báo VNCH không tiên đoán được đợt I của cuộc Tổng Tấn Công của CS vào Tết Mậu Thân chính là xuất phát từ thái độ lạc quan này (sách của Hoàng Ngọc Lung, tr. 150). Thật ra, về phía Hoa Kỳ đã có những dấu hiệu cho thấy có khuynh hướng xét lại chính sách của họ về Việt Nam. Tổng Trưởng Quốc Phòng Robert S. McNamara là người đầu tiên hoài nghi về chủ trương có thể chiến thắng bằng quân sự tại Việt Nam. Nói một cách tổng quát, chiến lược của Hoa Kỳ tại Việt Nam bao gồm 2 bộ phận: chiến tranh diện địa (ground war) tại Miền Nam, và chiến tranh không quân (air war) tại Miền Bắc. Mục tiêu của chiến tranh diện địa là nhằm tiêu diệt lực lượng quân sự của phe Cộng sản tại Miền Nam và gồm 3 giai đoạn: 1) Từ giữa năm đến cuối năm 1965: ngăn chặn chiến thắng quân sự của CS tại Miền Nam; 2) Từ tháng 1/1966 đến cuối tháng 6/1966: khởi sự tấn công các lực lượng CS và bắt đầu chương trình bình định; và 3) Từ tháng 7/1966 đến cuối năm 1967: tiêu diệt các lực lượng và căn cứ của CS còn sót lại sau đợt 2. Trong bộ phận chiến tranh diện địa này, lực lượng quân sự của Hoa Kỳ sẽ giữ vai trò then chốt trong việc "*lùng và diệt địch*", đặc biệt ở vùng phi-quân-sự và cao nguyên dọc biên giới Việt Nam và Lào. Nhiệm vụ chủ yếu của QLVNCH sẽ là bảo vệ lãnh thổ và bình định. Bộ phận chiến tranh không quân hoàn toàn do Hoa Kỳ đảm nhận (Không Quân VNCH có tham gia một cách tượng trưng trong một

thời gian ngắn, từ tháng 2 đến tháng 4/1965) và mục tiêu là ngăn chặn sự xâm nhập cán binh và vũ khí từ Miền Bắc vào Miền Nam và làm áp lực để Bắc Việt phải từ bỏ quyết tâm thôn tính Miền Nam (sách của McNamara, tr. 209-210). Ngay từ cuối năm 1965, McNamara đã hoài nghi về hiệu quả của chiến lược này và ông chính là người đã thuyết phục Tổng Thống Johnson kéo dài lệnh ngưng oanh tạc Bắc Việt vào dịp lễ Giáng Sinh 1965 để mưu tìm một giải pháp thương thuyết. Nhưng việc tiến tới thương thuyết đã không thực hiện được vì sự cứng rắn của Bắc Việt. Chiến tranh lại tiếp tục leo thang. Quân số Mỹ gia tăng ào ạt: 81.400 vào tháng 7/1965; 184.300 vào cuối năm 1965; và 485.600 vào cuối năm 1967 (sách của McNamara, tr. 321). Chiến dịch Rolling Thunder oanh tạc Bắc Việt đã thực hiện: 25.000 phi vụ với 63.000 tấn bom vào năm 1965; 79.000 phi vụ với 136.000 tấn bom vào năm 1966; và 108.000 phi vụ với 226.000 tấn bom vào năm 1967. Cũng trong thời gian này, theo tin tình báo của CIA, số lượng cán binh Miền Bắc xâm nhập vào Miền Nam vẫn tiếp tục gia tăng không ngừng, từ mức 35.000 quân vào năm 1965 lên đến mức 90.000 quân vào năm 1967. Và, trên tất cả, quyết tâm chiến thắng tại Miền Nam của CS đã không bị lung lay chút nào cả (sách của McNamara, tr. 244). Trong khi đó số binh sĩ Hoa Kỳ tử trận tại Việt Nam đã không ngừng gia tăng: 509 vào tháng 7/1965, 1594 vào cuối năm 1965 và 15.979 vào cuối năm 1967. Phong trào phản chiến tại Hoa Kỳ phát triển mạnh mẽ và dư luận quốc tế rất bất lợi cho Hoa Kỳ. Về phía VNCH thì các năm 1965, 1966 là những năm xáo trộn gần như hỗn loạn về chính trị khiến cho công cuộc bình định bị thất bại (xem thêm sách của Đỗ Mậu, tr. 825-929). Nói tóm lại, chiến lược của Hoa Kỳ tại Việt Nam rõ ràng là sẽ không thể nào đạt được mục tiêu đề ra. Cuộc Tổng Tấn Công Mậu Thân của CS vào đầu năm 1968 là một gáo nước lạnh tạt vào mặt các nhà lãnh đạo chính trị tại Hoa Kỳ. Về phương diện quân sự, cuộc Tổng Tấn Công này là một thất bại nặng nề của phía CS. Trong đợt I, tính cho đến ngày 11-02-1968, phe CS bị chết 32.000 cán binh và 5.800 bị bắt làm tù binh, trong khi về phía Hoa Kỳ bị chết 1.001 binh sĩ và QLVNCH bị chết 2.082 binh sĩ (sách của Westmoreland, tr. 404). Để bổ sung cho thiệt hại lớn về quân số này, Bắc Việt đã đưa thêm vào Miền Nam từ 80.000 đến 90.000 cán binh để chuẩn bị cho đợt 2 vào tháng 5/1968. Đợt quân bổ sung này chỉ được huấn luyện rất sơ sài và đưa vào Miền Nam ngay. Bảng chứng là 82% tù binh bị bắt trước tháng 10/1967 khai là họ đã vào bộ đội khoảng trên 6 tháng. Đến khoảng tháng 5/1968, chỉ còn khoảng 40% tù binh khai như thế, 50% còn lại cho biết họ mới vào bộ đội khoảng dưới 3 tháng (sách của Davidson, tr. 542). Nhưng về phương diện chính trị, phe CS đã tạo được một tác động tâm lý rất mạnh tại Hoa Kỳ. Dân chúng Mỹ không còn tin tưởng vào lập luận của chính phủ là phe CS đang suy yếu dần và Hoa Kỳ cùng với VNCH sẽ thắng cuộc chiến tại Việt Nam. Ông McNamara rời khỏi chức vụ Tổng Trưởng Quốc Phòng Hoa Kỳ vào cuối tháng 2/1968 và được thay thế bởi ông Clark Clifford. Việc xin thêm 206.000 quân của Tướng Westmoreland vào tháng 3/1968 bị bác bỏ. Giữa tháng 3/1968, tại cuộc bầu cử sơ bộ ở tiểu bang New Hampshire, Thượng Nghị Sĩ Dân Chủ Eugene McCarthy, chủ trương chống chiến tranh, đã đạt được một số phiếu ngang ngửa với Tổng Thống Johnson. Mấy ngày sau đó, Thượng Nghị Sĩ Robert Kennedy, bào đệ của cố Tổng Thống Kennedy, cũng tuyên bố sẽ ra ứng cử với tư cách một ứng cử viên hòa bình, chống lại đường lối chiến tranh của Hoa Kỳ tại Việt Nam. Ngày 26-03-1968, nhóm cố vấn chính trị lão thành, mà báo chí Hoa Kỳ gán cho danh hiệu "The Wise Men", trước đây đã từng ủng hộ đường lối chiến tranh tại Việt Nam của Tổng Thống Johnson, đã hoàn toàn thay đổi lập trường và khuyến cáo Tổng Thống Johnson nên tìm cách rút quân ra khỏi Việt Nam (sách của Spector, tr. 21). Ngày 31-03-1968, Tổng Thống Johnson chính thức tuyên bố ngưng oanh tạc Bắc Việt vô điều kiện, ngoại trừ khu vực gần vùng phi-quân-sự, và sẽ ngưng hẳn nếu Bắc Việt tỏ thiện chí hòa hoãn; đồng thời ông cũng tuyên bố sẽ không ra tranh cử Tổng Thống nữa. Cuối tháng 6/1968 Tướng Westmoreland rời Việt Nam trở về Hoa Kỳ để đảm nhận chức vụ mới: Tham Mưu Trưởng Lục Quân Hoa Kỳ.

Trong vấn đề thứ ba, Tổng Thống Thiệu đã cho thấy trước phần nào chương trình hành động của ông trong những năm tháng sắp tới nhằm tạo một thể chính trị cho chính quyền do ông lãnh đạo. Sự ra đời của Khối Độc Lập tại Hạ Viện (tháng 3/1971) cũng như sự thành hình của Đảng Dân Chủ (tháng 3/1973) là kết quả của chương trình hành động đó (sách của Nguyễn Khắc Ngữ, tr. 51-52, tr. 67).

Phần 3: Chú Giải về Nội dung của Công điện

1. Mai Đen là biệt danh của Nguyễn Thanh Tùng, một nhân vật trong ngành tình báo của VNCH mà hành tung rất bí ẩn. Ông được Tướng Loan giao cho nhiệm vụ đứng đầu Khối Tình Báo Hải

Ngoại của Cục Trung ương Tình Báo. Sau khi Tướng Loan mất chức thì Mai Đen cũng bị loại khỏi chức vụ đó và ông đã bỏ trốn sang Thái Lan.

2. Vụ bỏ phiếu này tại Hạ Nghị Viện diễn ra vào ngày 02-03-1968, chứ không phải 01-03 như trong công điện của CIA. Hạ Viện đã bác bỏ dự luật ủy quyền đó với 85 phiếu chống và 10 phiếu thuận.
3. Khối Dân Chủ tại Hạ Viện quy tụ được 42 dân biểu thuộc khuynh hướng Phật Giáo, trí thức Miền Nam, và một vài dân biểu sắc tộc. Khối này ủng hộ Phó Tổng Thống Nguyễn Cao Kỳ.
4. Thủ Tướng Nguyễn Văn Lộc (1922-1992), là một Luật Sư người Miền Nam, nhân sĩ Cao Đài, đã từng đứng chung liên danh với Thiếu Tướng Nguyễn Cao Kỳ trong cuộc bầu cử tổng thống tháng 9-1967.
5. Vấn đề thay đổi các Tỉnh trưởng sẽ là một trong những sự kiện nổi bật nhất trong cuộc tranh chấp quyền lực giữa hai vị Tổng Thống và Phó Tổng Thống. Nội trong tháng 3 của năm 1968, Tổng Thống Thiệu thay đổi tất cả 14 Tỉnh trưởng: ngày 11-03 ông bổ nhiệm 8 Tỉnh trưởng cho các tỉnh Thừa Thiên, Darlac, Quảng Đức, Tuyên Đức, Bình Thuận, Vĩnh Long, An Giang và Ba Xuyên; ngày 26-03, ông bổ nhiệm 4 tỉnh trưởng mới cho các tỉnh Gò Công, Kiến Hòa, Vĩnh Bình và Phong Dinh; ngày 29-03 ông bổ nhiệm 2 Tỉnh trưởng mới cho các tỉnh Biên Hòa và Gia Định. Ngày 06-09-1968, ông cách chức 3 Trung Tá Tỉnh trưởng và giao hoàn Bộ Quốc Phòng để Bộ truy tố về tội tham nhũng. Ngày 03-12-1968 ông bổ nhiệm 5 Tỉnh trưởng mới cho các tỉnh Pleiku, Bình Dương, Bình Tuy, Định Tường và Tây Ninh. Tất cả các việc bổ nhiệm này nằm trong chính sách cải tổ hành chánh mà Tổng Thống Thiệu đã đưa ra từ tháng 3-1968 với việc khai giảng khóa Quân Chánh tại Sài Gòn, và việc thành lập Hội Đồng Cải Cách Hành Chánh. Phó Tổng Thống Kỳ và các Tướng lãnh cao cấp đều chống lại chính sách cải tổ hành chánh này. Một công điện mật của CIA đề ngày 16-05-1968, bạch hoá ngày 22-10-1999, đề cập đến vấn đề này (bản toàn văn của Công điện này là Tài Liệu mang số 1863, nằm trong Vi Phiếu số 150, năm 2000, của bộ vi phiếu Declassified Documents Reference System = DDRS). Công điện cho biết Phó Tổng Thống Kỳ đã họp vào ngày 15-05-1968 tại Bộ Tổng Tham Mưu với các tướng lãnh sau đây: Trung Tướng Lê Nguyên Khang, Tư Lệnh Quân Đoàn 3; Trung Tướng Hoàng Xuân Lãm, Tư Lệnh Quân Đoàn 1; Thiếu Tướng Lữ Lan, Tư Lệnh Quân Đoàn 2; Thiếu Tướng Nguyễn Đức Thắng, Tư Lệnh Quân Đoàn 4; Trung Tướng Cao Văn Viên, Tổng Tham Mưu Trưởng; Trung Tướng Nguyễn Văn Vỹ, Tổng Trưởng Quốc Phòng; Trung Tướng Linh Quang Viên, Tổng Trưởng Nội Vụ; và, Trung Tướng Nguyễn Bảo Trị, Tổng Trưởng Xây Dựng Nông Thôn. Sau đó Phó Tổng Thống Kỳ và các tướng đã họp với Tổng Thống Thiệu và trình bày quan điểm chung của họ về nhiều vấn đề, đặc biệt là họ yêu cầu Tổng Thống Thiệu hủy bỏ chương trình cải cách hành chánh với lý do là việc cải tổ đó làm suy yếu việc phối hợp hành chánh và quân sự tại các địa phương, gây nhiều khó khăn cho các vị Tư Lệnh Quân Đoàn. Tổng Thống Thiệu đã bác bỏ yêu cầu này. Và trên thực tế, như ta đã thấy, ông vẫn tiếp tục thay thế các tỉnh trưởng.
6. Dự luật Tổng Động Viên, gồm 5 chương và 12 điều, được Hạ Viện thông qua vào ngày 10-05-1968 với 92 phiếu thuận trên tổng số 100 Dân Biểu hiện diện.
7. Trước năm 1965, vai trò của quân đội Mỹ chỉ là cố vấn cho Q.L.V.N.C.H. mà thôi. Với việc 2 tiểu đoàn Thủy Quân Lục Chiến (1500 quân) đổ bộ vào Đà Nẵng ngày 08-03-1965, quân đội Mỹ đã thật sự tham chiến tại Việt Nam. Số quân Mỹ gia tăng rất nhanh, đến giữa năm 1966 tổng số quân Mỹ đã lên đến 350.000, và vào đầu năm 1968 Hoa Kỳ đã có một lực lượng quân sự trên nửa triệu quân tại V.N.C.H.
8. Tổng Thiệu Thiệu đã tiên đoán đúng về đợt 2 của cuộc Tổng Công Kích của Việt Cộng trong năm Mậu Thân này. Hệ thống tình báo của VNCH rút kinh nghiệm từ sự thất bại không tiên đoán được đợt 1 đã tiên đoán rất chính xác về ngày khởi sự của đợt 2 này: đó là ngày 05-05-1968.
9. Năm 1968 là năm bầu cử lại chức vụ Tổng Thống tại Hoa Kỳ. đương kim Tổng Thống là Ông Lyndon Baines Johnson đã chính thức tuyên bố vào ngày 31-03-1968 là ông sẽ không ra ứng cử nữa. Sau đó, Đảng Cộng Hòa, tại Đại Hội Đảng họp tại Miami, tiểu bang Florida, vào các ngày 5-8 tháng 8, đã bầu Ông Richard M. Nixon làm ứng cử viên Tổng Thống. Tại Đại Hội của Đảng Dân Chủ, họp tại Chicago, tiểu bang Illinois, vào các ngày 26-29 tháng 8, Ông Hubert H. Humphrey đã nhận được sự đề cử của Đảng Dân Chủ làm ứng cử viên Tổng Thống.
10. Về sau, qua trung gian của Phụ Tá Nguyễn Cao Thắng, và sau khi Ông Thắng chết vì bệnh ung thư, qua trung gian của Phụ Tá Nguyễn Văn Ngân, Tổng Thống Thiệu đã có được một nhóm ủng

hộ chính phủ tại Hạ Viện. Nhóm này có tên là Khối Độc Lập do Dân Biểu Nguyễn Quang Luyện, Đệ nhị Phó Chủ Tịch Hạ Viện, làm Trưởng Khối, và gồm có tất cả 19 Dân Biểu trong đó có: Dân Biểu Trần Quý Phong, Chủ Tịch Ủy Ban Giao Thông và Công Chánh; Dân Biểu Nguyễn Đình Lý, Chủ Tịch Ủy Ban Kinh Tế; Dân Biểu Phạm Hữu Giáo, Chủ Tịch Ủy Ban Ngoại Giao; Dân Biểu Hoàng Thông, Chủ Tịch Ủy Ban Nội Vụ; Dân Biểu Lê Văn Diệm, Chủ Tịch Ủy Ban Thông Tin và Chiêu Hồi; Dân Biểu Trương Đình Từ, Chủ Tịch Ủy Ban Y Tế; và, Dân Biểu Trần Kim Thoa, Chủ Tịch Ủy Ban Xã Hội và Cựu Chiến Binh.

11. Ông Ellsworth Bunker (1894-1984), Đại Sứ Hoa Kỳ tại thời điểm này.
12. Đại Tướng William C. Westmoreland (1914-2005), Tư Lệnh Lực Lượng Quân Hòa tại VNCH tại thời điểm này.
13. Đại Tướng Creighton Abrams (1914-1974), Phó Tư Lệnh Lực Lượng Hoa Kỳ tại VNCH tại thời điểm này.
14. Ông Robert W. Komer (1922-2000), một nhân viên kỳ cựu của Cơ Quan Trung Ương Tình Báo của Hoa Kỳ (Central Intelligence Agency = CIA), tại thời điểm này là người đứng đầu cơ quan CORDS (CORDS = Civil Operations and Revolutionary Development Support) của MACV phụ trách về bình đẳng và phát triển nông thôn, với nhiệm vụ tiêu diệt hạ tầng cơ sở của Việt Cộng ở nông thôn; Chương trình Phượng Hoàng (Phoenix Program) là một bộ phận của CORDS.
15. J-2 là tiếng gọi tắt của Ban 2 của Bộ Chỉ Huy Lực Lượng Mỹ tại Việt Nam (MACV = Military Assistance Command - Vietnam) phụ trách về tình báo, tại thời điểm này là do Trung Tướng Phillip B. Davidson đứng đầu. Tướng Davidson là tác giả quyển sách *Vietnam At War : The History, 1946-1975* do nhà Presidio xuất bản năm 1988.
16. Trung Tướng William W. Momyer (1916-2012), là một tướng lãnh của Không Quân Hoa Kỳ, tại thời điểm này, ông là Tư Lệnh Phó của MACV, phụ trách về Không Quân, kiêm Tư Lệnh Sư Đoàn 7 Không Quân (Seventh Air Force).
17. CINCPAC là chữ tắt của Commander-in-Chief, Pacific, tức là Tổng Tư Lệnh Lực Lượng Hoa Kỳ tại Thái Bình Dương, chỉ huy toàn bộ các lực lượng hải, lục và không quân Hoa Kỳ trong vùng Thái Bình Dương, và là cấp chỉ huy trực tiếp của Tư Lệnh MACV. Chức vụ này luôn luôn do một vị Đô Đốc đảm nhận. Trong thời gian chiến tranh Việt Nam, các vị Đô Đốc sau đây đã từng là CINCPAC: Harry D. Felt (1958-64), Ulysses S. Grant Sharp (1964-68), John S. McCain, Jr. (1968-72), và Noel Gayler (1972-76). Tại thời điểm của công điện này, CINCPAC là Đô Đốc Sharp.

Thay Lời Kết:

Công điện mật này của CIA cũng như công điện mật đề cập đến trong Ghi Chú số 8 cho ta thấy rõ người Mỹ đã nắm rất vững tình hình chính trị nội bộ của VNCH. Các tin tức này họ có được bằng cách nào hiện nay vẫn còn được dấu kín, bằng cơ là phần Xuất xứ của Công điện đã bị bôi xóa hoàn toàn (điều này cũng đúng luôn đối với công điện đề cập đến trong Chú giải số 5). Dù sao tài liệu loại này cũng giúp ích cho các nhà nghiên cứu sử VNCH hiện nay có thêm dữ kiện để hiểu rõ thêm động cơ và diễn tiến của các biến cố chính trị tại VNCH trong giai đoạn lịch sử này.

Thư Tịch Sách Tham Khảo:

1. Davidson, Philip B. ***Vietnam at War: the history, 1946-1975***. Novato, Calif.: Presidio Press, 1988.
2. Đoàn Thêm. ***1968: việc từng ngày***. Los Alamitos, Calif.: Xuân Thu, 1989.
3. Đỗ Mậu. ***Việt Nam máu lửa quê hương tôi: hồi ký chính trị***. California: Tác giả xuất bản, 1986.
4. Hoàng Ngọc Lung. ***Intelligence***. Washington, D.C.: U.S. Army Center of Military History, 1982.
5. McNamara, Robert S và Brian VanDeMark. ***In retrospect: the tragedy and lessons of Vietnam***. New York: Times Books, 1995.
6. Nguyễn Khắc Ngữ. ***Những ngày cuối cùng của Việt Nam Cộng Hòa***. Montréal: Nhóm Nghiên Cứu Sử Địa, 1979.

7. Spector, Ronald H. ***Ater Tet: the bloodiest year in Vietnam***. San Rafael, Calif: Presidio Press, 1993.
8. Westmoreland, William C. ***A soldier reports***. Garden City, N.Y.: Doubleday, 1976.